| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày 09-01-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Biên Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nông Quốc Khôi

Bà Trương Thị Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ma Thị Huyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HS ngày 27/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quang T**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993 tại T, B, Hà Nội.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: P403-N8, Tập thể Trường T6, N, T, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1964; vợ:Bùi Thị N, sinh năm 1991; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

2. Họ và tên: **Chu Thế N1**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1988 tại T, B, Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: T, T, B, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; vợ: Phạm Thị Y, sinh năm 1993; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam

tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

3. Họ và tên: **Triệu Tòn C**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2001 tại H, B, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm P, H, B, Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Tạ C1, sinh năm 1975 và bà Sào Mùi D, sinh năm 1976; vợ: Bàn Mùi M , sinh năm 2001; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

4. Họ và tên: **Hoàng Vần Q**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1996 tại Đ, B, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, Đ, B, Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Chằn P, sinh năm 1982 và bà Phùng Mùi P1, sinh năm 1976; vợ: Hoàng Mùi P2, sinh năm 1995; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Vần Q:* Ông Bế Văn B - Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 10 phút ngày 25/4/2024, tại địa phận xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C chủ trì phối hợp với Công an xã T bắt quả tang Nguyễn Quang T (sinh năm: 1993; trú tại: P, Tập thể Trường T7, N, T, Hà Nội) và Chu Thế N1 (sinh năm 1988, trú tại: T, T, B, Hà Nội) đang di chuyển bằng xe ô tô biển kiểm soát 30K-458.97 đi cùng với 02 người Trung Quốc là Giang Vĩ C2 (sinh năm 1990) và Trần Khánh L (sinh năm 1988; cùng trú tại P, Trung Quốc), qua kiểm tra các đối tượng này khai nhận đang có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, đưa người và các tài liệu, đồ vật liên quan về trụ sở Công an xã T để làm rõ. Xác định vụ việc có dấu hiệu của T2 tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, không thuộc thẩm quyền nên ngày 25/4/2024 Phòng Q Công an tỉnh C đã chuyển toàn bộ tài liệu, vật chứng, người bị bắt đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Từ cuối năm 2023, Nguyễn Quang T và Triệu Tòn C (sinh năm 2001, trú tại: Pác L, H, B, Cao Bằng) quen biết một người đàn ông tên H qua (không rõ thôn B) quen biếtụng số thuê bao

0568.873.513 và 0374.043.314), H liên lạc qua điện thoại trao đổi với T và C về việc tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Tiền công tuỳ thuộc vào mỗi lần khác nhau. Từ tháng 11/2023 đến tháng 4/2024 các đối tượng đã nhiều lần tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể như sau:

+ Khoảng cuối tháng 11/2023, Nguyễn Quang T được H thuê đến Cao Bằng đón 01 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép. T thuê xe ô tô và rủ Chu Thế N1 cùng tham gia. T trực tiếp liên lạc với Triệu Tòn C để thống nhất thời gian, địa điểm đón người. Trước đó C đi xe máy đến khu vực biên giới xã X, B, Cao Bằng để đón người Trung Quốc theo sự chỉ đạo của H rồi đưa đến khu vực ngã ba S, N, Cao Bằng giao cho T. Sau đó T và N1 điều khiển xe đi xuống G, Hà Nội giao cho đối tượng khác. Ngày 25/11/2023 T nhận được số tiền công là 11.000.000đ qua chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản của T, T trả tiền công cho N1 là 1.500.000đ, sau khi trừ chi phí thuê xe và tiền xăng, ăn uống T được hưởng lợi 5.000.000đ. Cùng ngày Triệu Tòn C cũng nhận được số tiền 45.000.000đ chuyển khoản vào tài khoản của C, trong đó C được hưởng lợi 8.000.000đ, số tiền còn lại Cản đưa đến khu vực mốc biên giới 614 ở C, H, Cao Bằng cho người Trung Quốc theo yêu cầu của H.

+ Đầu tháng 12/2023, T và N1 tiếp tục thuê xe đến ngã ba S, N, Cao Bằng đón 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Còn C đến khu vực vành đai biên giới đón người rồi giao cho T để T đưa về G, Hà Nội theo hướng dẫn của H. Sau khi giao người thành công, ngày 08/12/2023 T nhận được số tiền 15.000.000đ, T trả tiền công cho N1 1.500.000đ, sau khi trừ chi phí khác trong chuyến đi T được hưởng lợi 8.500.000đ. Cùng ngày C cũng nhận được số tiền 88.000.000đ, trong đó C được hưởng lợi 16.000.000đ, số tiền còn lại Cản đưa đến khu vực mốc biên giới 614 ở C, H, Cao Bằng cho người Trung Quốc theo yêu cầu của H.

+ Ngày 20,21/12/2023, T một mình thuê xe ô tô đến Cao Bằng đón 01 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại ngã ba S, N, Cao Bằng, còn C tiếp tục đến khu vực biên giới đón người rồi giao cho T để T đưa về G, Hà Nội theo sự hướng dẫn của H. Ngày 21/12/2023, C nhận được số tiền 60.726.163đ, theo hướng dẫn của H thì C đã chuyển khoản cho T tổng số tiền 50.000.000đ và được hưởng lợi 10.726.163đ. Sau khi nhận được tiền T đã đưa tiền mặt cho người lái xe nhận người ở Hà Nội với số tiền 30.000.000đ, sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 15.000.000đ.

+ Ngày 17,18/01/2024, T tiếp tục rủ Chu Thế N1 đến ngã ba S, N, Cao Bằng đón 01 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép theo sự hướng dẫn của H và C. Ngày 18/01/2024 C nhận được số tiền 45.000.000đ, C được hưởng lợi 8.000.000đ, số tiền còn lại Cản trực tiếp đến biên giới đưa tiền cho người Trung Quốc. Cùng ngày T cũng nhận được số tiền 10.000.000đ, T trả tiền công cho N1 1.500.000đ. Sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 4.300.000đ.

+ Cuối tháng 01/2024, T và N1 tiếp tục đến Cao Bằng đón người theo yêu cầu của H. Trước đó C được H chỉ đạo đến H, Bảo L1, Cao Bằng đón người Trung

Quốc rồi đưa ra ngã ba S giao cho T. Cản đã đề nghị Hoàng Vần Q (sinh năm 1996, trú tại: L, Đ, B, Cao Bằng) đi đón người. Q đồng ý và đi đón người rồi đưa người đến điểm hẹn để giao cho T. Sau khi đón được người, T và N1 đưa xuống G, Hà Nội như những lần trước. Ngày 27/01/2024, C nhận được số tiền công là 43.000.000đ. Sau khi nhận được tiền C chuyển khoản trả tiền công cho Q 1.000.000đ, C được hưởng lợi 7.000.000đ, số tiền còn lại C tiếp tục đưa cho người Trung Quốc tại khu vực mốc 614. Cùng ngày T cũng nhận được số tiền công 10.000.000đ, T trả cho N1 1.500.000đ. Sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 4.800.000đ.

+ Khoảng ngày 16,17/02/2024, H tiếp tục thuê T và C đón người nhập cảnh trái phép. Lần này C liên lạc và yêu cầu Hoàng Vần Q đến khu vực có biển báo vành đai biên giới giáp ranh giữa xã X và xã H, B, Cao Bằng đón người. Theo hướng dẫn Q đã thuê xe ô tô và đón được 01 công dân Trung Quốc để giao cho T tại ngã ba S, N, Cao Bằng. T tiếp tục chở người đến G, Hà Nội. Ngày 17/2/2024, T nhận được số tiền công là 10.000.000đ, sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 4.500.000đ. Cản cũng nhận được số tiền công là 42.000.000đ, trong đó C được hưởng lợi 5.000.000đ, C trả tiền cho Q 3.000.000đ (Sau khi trừ tiền thuê xe ô tô, Q được hưởng lợi 2.200.000đ), số tiền còn lại C tiếp tục đến khu vực mốc 614 đưa cho người Trung Quốc.

+ Khoảng ngày 21,22/02/2024, H tiếp tục thuê C và T. Theo hướng dẫn Q lại thuê xe ô tô đến khu vực biên giới đón được 03 người Trung Quốc để giao cho T tại ngã ba S, N, Cao Bằng như những lần trước. Sau đó T tiếp tục đưa người xuống G, Hà Nội. Ngày 22/2/2024, T nhận được số tiền công là 23.000.000đ, sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 18.000.000đ. Cùng ngày C nhận được số tiền 123.000.000đ, trong đó C được hưởng lợi 15.000.000đ, C trả tiền công cho Q là 7.500.000đ (Sau khi trừ tiền thuê xe, Q được hưởng lợi 6.300.000đ), số tiền còn lại Cản đến vực mốc 614 đưa cho người đàn ông Trung Quốc.

+ Giữa tháng 3/2024, T cùng Chu Thế N1 tiếp tục đón được 01 người Trung Quốc theo sự hướng dẫn của H và C như những lần trước. Ngày 18/3/2024 T nhận được số tiền 9.000.000đ, T trả cho N1 1.500.000đ, sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 4.320.000đ. Đồng thời C cũng nhận được số tiền 42.000.000đ, C khai nhận được hưởng lợi 8.000.000đ, số tiền còn lại Cản đến khu vực mốc 614 đưa cho người Trung Quốc.

+ Ngày 20/3/2024, H thuê C đến đón 01 người Trung Quốc tại thị trấn B, Cao Bằng rồi đưa về tỉnh Thái Nguyên. C đã liên lạc và bảo Q đi đón. Q mượn xe ô tô biển kiểm soát 11H - 00449 của Hoàng Chằn P3 (cùng xóm L) để đi đón người và đưa đến thành phố T, đồng thời nhận số tiền 9.000.000đ với người này, trong đó Q được hưởng lợi 5.000.000đ, số tiền còn lại (4.000.000đ) Q chuyển khoản cho C. Lần này T và N1 không tham gia.

+ Ngày 22/4/2024, Nguyễn Quang T và Chu Thế N1 tiếp tục đón được 01 công dân Trung Quốc tại ngã ba S, N với C. Lần này C ứng trước tiền công cho T 5.000.000đ, H hứa sẽ chuyển khoản cho T 4.000.000đ nhưng đến nay T chưa nhận được số tiền này. Sau khi nhận được tiền, T đã đưa cho N1 1.500.000đ, chi

trả tiền xăng, ăn uống 2.000.000đ, vì phải trả tiền thuê xe 2.000.000đ nên T tự bù lỗ 500.000đ. Cản khai nhận lần này chưa được nhận tiền công.

Mở rộng điều tra Nguyễn Quang T khai nhận còn được liên lạc với Sần A S (sinh năm 2002, trú tại: Cáp C, X, B, Cao Bằng) và một người đàn ông tên Đ2 (quen biết qua S, sử dụng số điện thoại 0921.295.417) để tổ chức 03 lần đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, cụ thể như sau:

+ Ngày 09/4/2024, T được Đại liên lạc đặt vấn đề đến Cao Bằng đón 01 người Trung Quốc. Khoảng rạng sáng ngày 10/4/2024 T thuê xe ô tô một mình đến X, Bảo L1, Cao B1 gặp S đón người rồi đưa về bến xe N, Hà Nội giao cho đối tượng khác. Sau khi giao người xong, T nhận được số tiền 9.000.000đ. Sính chuyển cho thêm cho T 3.500.000đ, sau khi trừ các khoản chi phí T được hưởng lợi 7.500.000đ.

+ Ngày 11/4/2024, T tiếp tục đến khu vực ngã ba S, N, Cao Bằng đón 03 người Trung Quốc theo sự hướng dẫn của Đ2 và S rồi đưa về G, Hà Nội. Ngày 12/4/2024, T nhận được số tiền công 15.000.000đ . Sau khi trừ các chi phí T được hưởng lợi 11.100.000đ.

+ Ngày 24/4/2024, T tiếp tục rủ N1 đến khu vực ngã ba S, N để đón 02 người Trung Quốc là Giang Vĩ C2 và Trần Khánh L theo sự hướng dẫn của Đ2 và S. Khi di chuyển đến địa phận xã T, N, Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra các bị can Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi nêu trên của các bị can T, N1, C, Q đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 112/CT-VKSCB-P1 ngày 28/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, các bị cáo rất ăn năn mong Tòa xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định quyết định truy tố đối với Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng

Vần Q phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép".*

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 07 năm – 07 năm 06 tháng tù

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Thế N1 06 năm – 06 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Tòn C 05 năm – 05 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Vần Q 05 năm – 05 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về vật chứng :* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo:*

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO (kiểu máy CPH1917) của bị can Nguyễn Quang T", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Chu Thế N1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen, có ốp lưng màu đen của bị can Chu Thế N1", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra-Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 và 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu IPHONE 6s plus của bị can Hoàng Vần Q", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

- *Trả cho các bị cáo số tài sản gồm:*

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu

xanh đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO (kiểu máy CPH1917) của bị can Nguyễn Quang T", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s plus được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 và 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu IPHONE 6s plus của bị can Hoàng Vần Q", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

- *Truy thu số tiền các bị cáo được hưởng lợi* để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Quang T 82.520.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Bị cáo Chu Thế N1 9.000.000đ (Chín triệu đồng; xác nhận gia đình bị cáo N1 đã nộp 9.000.000đ.

+ Bị cáo Triệu Tòn C 81.726.163đ (T3 mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi ba đồng). Xác nhận ông Triệu Tạ C1 (bố bị cáo Triệu Tòn C) đã tự nguyện nộp số tiền 41.726.136đ (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000462 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Thống K (nộp thay bị cáo Hoàng Vần Q) đã tự nguyện nộp số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000461 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

*Về án phí:* Các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hoàng Vần Q được miễn án phí theo quy định.

Các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Vần Q, Trợ* giúp viên ông Bế Văn B trình bày: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ, nguyên nhân điều kiện hoàn cảnh phạm tội: Bị cáo đón người do người khác rủ rê; là người dân tộc thiểu số ít người, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ văn hóa thấp học hết lớp 6, do vậy hiểu biết pháp luật hạn chế, không nhận thức được hậu quả pháp lý do hành vi gây ra; nhân thân bị cáo tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội vì hoàn cảnh gia đình khó khăn gia đình thuộc hộ nghèo, muốn được hưởng tiền công để

trang trải cuộc sống gia đình nên đã phạm tội; 02 con còn nhỏ; tại giai đoạn điều tra và phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về hình phạt bổ sung, không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Nhất trí như Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Hoàng Vần Q không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Quang T4, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau; phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên về việc trao đổi, động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm, số lần, số người cũng như cách thức đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và phù hợp với lời khai của những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 04 giờ 15 phút ngày 25/4/2024 đối với Nguyễn Quang T, Chu Thế N1; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Triệu Tòn C ngày 25/4/2024 tại Công an xã H, B, Cao Bằng; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú đối với Hoàng V1 Quyên ngày 25/4/2024; Các Biên bản nhận dạng gồm Biên bản nhận dạng Triệu Tòn C nhận dạng Nguyễn Quang T, Biên bản nhận dạng Nguyễn Quang T nhận dạng Triệu Tòn C, Biên bản nhận dạng Hoàng Vần Q nhận dạng Nguyễn Quang T, Biên bản nhận dạng Sần A nhận dạng Nguyễn Quang T cùng với vật chứng thu giữ đối với các bị cáo như: Hình ảnh video thu được trong điện thoại của Hoàng Vần Q; Trích xuất dữ liệu điện tử từ những chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Hoàng Vần Q đều thể hiện nội dung liên quan đến việc tổ chức đón người nhập cảnh trái phép; Sao kê tài khoản Ngân hàng và phù hợp với các

tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra, có đủ căn cứ kết luận: Hồi 03 giờ 10 phút ngày 25/4/2024, tại địa phận xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C chủ trì phối hợp với Công an xã T bắt quả tang Nguyễn Quang T và Chu Thế N1 đang có hành vi tổ chức cho 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Mở rộng điều tra xác định từ tháng 11/2023 đến tháng 4/2024 ngoài T và N1 còn có Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q cùng thực hiện hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Số lần tham gia thực hiện cụ thể như sau: Nguyễn Quang T thực hiện 12 lần, hưởng lợi số tiền 82.520.000đ; Chu Thế N1 thực hiện 07 lần, hưởng lợi số tiền 9.000.00đ; Triệu Tòn C thực hiện 10 lần, hưởng lợi số tiền 81.726.163đ; Hoàng Vần Q thực hiện 04 lần, hưởng lợi số tiền 14.500.000đ.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc đưa đón người nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì mục đích hám lợi mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, mục đích là để đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào sâu nội địa Việt Nam. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo nhận đưa, đón công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

**[3]** Xét vai trò các bị cáo: Hành vi các bị cáo phạm tội thuộc đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Quang T là người trực tiếp liên lạc trao đổi với các đối tượng khác và các bị cáo Chu Thế N1, Triệu Tòn C để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người thuê xe đến Cao Bằng để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa đến G, Hà Nội giao cho đối tượng khác; bị cáo T thực hiện đón người nhập cảnh trái phép 12 lần (với 18 lượt người), hưởng lợi số tiền 82.520.000đ. Bị cáo Triệu Tòn C là người trực tiếp liên lạc trao đổi với các đối tượng khác và các bị cáo Nguyễn Quang T, Hoàng Vần Q để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trực tiếp đến khu vực biên giới để đón người hoặc thuê Hoàng Vần Q đi đón người nhập cảnh trái phép, sau đó chở người đến các địa điểm giao nhận người; bị cáo C thực hiện đón người nhập cảnh trái phép 10 lần (với 13 lượt người), hưởng lợi số tiền 81.726.000đ. Bị cáo Chu Thế N1 giữ vai trò là đồng phạm giúp sức với bị cáo T, đã tham gia cùng Nguyễn Quang T 07 lần (với 9 lượt công dân) đón người

Trung Quốc nhập cảnh trái phép, hưởng lợi số tiền 9.000.000đ. Bị cáo Hoàng Vần Q giữ vai trò là đồng phạm giúp sức với bị cáo C, đã tham gia cùng Triệu Tòn C 04 lần ( với 06 lượt công dân) đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, hưởng lợi số tiền 14.500.000đ. Do đó bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

**[4]** Về nhân thân, các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Cả 04 bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Cả 04 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 04 bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 25/4/2024 bị cáo Triệu Tòn C đã tự nguyện đến Công an xã H, B, Cao Bằng đầu thú; bị cáo Hoàng Vần Q vào ngày 25/4/2024 đã tự nguyện đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đầu thú, nên cả 02 bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quanh T5 có bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Quang Đ, bà Hoàng Thị T1 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo Chu Thế N1 có bố đẻ ông Chu Văn Đ1 là thương binh hạng 2/4; bị cáo Triệu Tòn C là người dân tộc thiểu số; bị cáo Hoàng Vần Q là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên cả 04 bị cáo Nguyễn Quanh T5, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trước khi xét xử, các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, cụ thể: Bị cáo Chu Thế N1 9.000.000đ; bị cáo Triệu Tòn C đã tự nguyện nộp số tiền 41.726.136đ (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi sáu đồng); Bị cáo Hoàng Vần Q tự nguyện nộp số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

**[5]** Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy: Cả 04 bị cáo hành vi phạm vào tội rất nghiêm trọng; cần áp dụng hình phạt tù đối với cả 04 bị cáo mới đủ sức răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của Người bào chữa về hình phạt cho bị cáo Hoàng Vần Q là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt.

**[6]** Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

**[7]** Việc xử lý vật chứng:

*- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo:*

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO (kiểu máy CPH1917) của bị can Nguyễn Quang T", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Chu Thế N1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen, có ốp lưng màu đen của bị can Chu Thế N1", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 và 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu IPHONE 6s plus của bị can Hoàng Vần Q", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

*- Trả cho các bị cáo số tài sản gồm:*

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO (kiểu máy CPH1917) của bị can Nguyễn Quang T", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s plus được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 và 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu IPHONE 6s plus của bị can Hoàng Vần Q", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

- Truy thu số tiền các bị cáo được hưởng lợi, người liên quan để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Quang T 82.520.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Chu Thế N1 9.000.000đ (Chín triệu đồng), xác nhận bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ bị cáo Chu Thế N1) đã nộp 9.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000427 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- Bị cáo Triệu Tòn C 81.726.163đ (T3 mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi ba đồng). Xác nhận ông Triệu Tạ C1 (bố bị cáo Triệu Tòn C) đã tự nguyện nộp số tiền 41.726.136đ (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000462 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- Bị cáo Hoàng Vần Q 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Thồng K (nộp thay bị cáo Hoàng Vần Q) đã tự nguyện nộp số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000461 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

**[8]** Về các vấn đề khác:

Đối với các số tài khoản chuyển khoản tiền công cho T và C, Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành xác minh xác định những tài khoản không chính chủ nên không có căn cứ để xử lý. Đối với người đàn ông tên H và Đ2 đã thuê Nguyễn Quang T và Triệu Tòn C: cả hai không có thông tin cụ thể, chưa gặp mặt, sử dụng các tài khoản ngân hàng và số điện thoại để liên lạc không chính chủ, vì vậy không có căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ. Đối với hành vi của Sần A S1, đã được Cơ quan điều tra chuyển tài liệu để nhập vào vụ án khác khởi tố S về Tội tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Đối với các đối tượng Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đã bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP".

**[9]** Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triều Tòn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hoàng Vần Q là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí và tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Xét thấy yêu cầu của bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q; xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Quang T 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2024.

+ Bị cáo Chu Thế N1 06 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/4/2024.

+ Bị cáo Triệu Tòn C 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 25/4/2024.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q 05 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 25/4/2024.

**2. Về việc xử lý vật chứng**: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo:*

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO (kiểu máy CPH1917) của bị can Nguyễn Quang T", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Chu Thế N1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen, có ốp lưng màu đen của bị can Chu Thế N1", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra-Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 và 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu IPHONE 6s plus của bị can Hoàng Vần Q", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

** Truy thu số tiền các bị cáo được hưởng lợi để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:*

- Bị cáo Nguyễn Quang T 82.520.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Chu Thế N1 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Xác nhận bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ bị cáo Chu Thế N1) đã nộp 9.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000427 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- Bị cáo Triệu Tòn C 81.726.163đ (T3 mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi ba đồng). Xác nhận ông Triệu Tạ C1 (bố bị cáo Triệu Tòn C) đã tự nguyện nộp số tiền 41.726.136đ (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000462 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- Bị cáo Hoàng Vần Q 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Thống K (nộp thay bị cáo Hoàng Vần Q) đã tự nguyện nộp số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000461 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

** Trả cho các bị cáo số tài sản gồm:*

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO6 Z 5G, có ốp màu xanh đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO (kiểu máy CPH1917) của bị can Nguyễn Quang T", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

+ Bị cáo Hoàng Vần Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s plus được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME C67 và 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu IPHONE 6s plus của bị can Hoàng Vần Q", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 36 ngày 04/12/2024.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Vần Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Quang T, Chu Thế N1, Triệu Tòn C, Hoàng Vần Q có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh CB;
- CQANĐT - CA tỉnh CB;
- Phòng HS Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án; HCTP;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nông Biên Hòa**